

Số: 90/KH-TDN

Quận 8, ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thu chi học phí theo quy định
Năm học 2024 – 2025

Căn cứ Nghị quyết số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024 – 2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3335/UBND-PGDĐT ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc chấp thuận mức thu các khoản thu dịch vụ



phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024 – 2025;

Trường THCS Trần Danh Ninh thực hiện kế hoạch các khoản thu theo quy định năm học 2024 - 2025 như sau:

1/. Thu, sử dụng, quản lý tiền học phí:

Từ năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo, các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Quận 8 được áp dụng mức thu học phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- Mức thu:

Cấp học	Mức thu học phí (đồng/học sinh/tháng)
- Trung học cơ sở	60.000đ

*** Học sinh trung học cơ sở được miễn học phí từ năm học 2025 – 2026 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2025).**

- Nội dung chi:

Chi cơ sở vật chất: tu sửa, bảo dưỡng các công trình, nhà cửa, tài sản, bàn ghế lớp học,... do đơn vị quản lý.

Chi điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, vật tư văn phòng khác như mực in, mực sặc, chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, máy móc như sửa chữa, bảo dưỡng máy photo, máy in,...; chi thuê mướn nhân công, giáo viên thỉnh giảng, trang thiết bị, vật dụng; Chi trả tiền thuê mướn xịt muỗi, chuột, mỗi mọt, dọn dẹp vệ sinh định kỳ hàng quý,.....

Chi lương và các khoản đóng góp theo lương cho hợp đồng lao động tại đơn vị theo quy định của Nhà nước.

Chi trả tiền hỗ trợ vận hành, bảo trì các công thông tin điện tử, trang web, phần mềm, chữ ký số,...phục vụ công tác hoạt động của đơn vị.

2/. Tổ chức thực hiện:

Tất các khoản thu điều thể hiện tất cả các nội dung thu và cấp hóa đơn điện tử cho phụ huynh.

Thực hiện thanh toán học phí theo phương thức **thanh toán không dùng tiền mặt (100% PHHS thực hiện chuyển khoản vào tài khoản chuyên thu của trường thông qua Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam)** theo mục Công văn số 3335/UBND-PGDĐT ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc chấp thuận mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ

trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024 – 2025; Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục; Kế hoạch số 4066/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025.

3/.Thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

- Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021 – 2022.

- Về Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ mồ côi theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân TP.HCM về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Học sinh trung học cơ sở từ năm học 2025 – 2026 được Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên để thực hiện việc miễn, giảm học phí đối với người học theo mức thu học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định. Phương thức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.



4/. Thực hiện chế độ chính sách miễn giảm học phí đối với dân tộc Chăm và Khmer

Theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022 – 2023: Thực hiện theo Công văn số 2842/SGDĐT-KHTC ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND theo Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND.

5/. Về trích tạo nguồn cải cách tiền lương:

Đối với các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: tối thiểu 40% số thu học phí.

6/. Thực hiện công khai các khoản thu:

- Thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản mức thu học phí đến phụ huynh học sinh

- Công khai mức thu học phí, phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC.

- Công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

7/.Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt:

- Trong năm 2024 - 2025 đơn vị đã thực hiện chủ trương thu tiền học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục 100% sử dụng hình thức chuyển khoản.

8/. Tổ chức thực hiện:

Trên đây là kế hoạch thu - chi khoản thu học phí năm học 2024 - 2025 của Trường THCS Trần Danh Ninh./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Niêm yết Công khai;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Võ Văn Tuấn

Số: 91/KH-TDN

Quận 8, ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH
THU CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHÁC
NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024 – 2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3335/UBND-PGDĐT ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc chấp thuận mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024 – 2025;

Trường THCS Trần Danh Ninh xây dựng dự toán kế hoạch thu - chi và sử dụng các khoản thu thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác năm học 2024-2025 như sau:



ST T	Nội dung thu	Mức thu thống nhất của trường và Ban ĐDCMHS	Tổng thu (Năm)	Nội dung chi
1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ.	90.000 đ (hs/tháng)	90.000 x 800x8,5T = 612.000.00 0đ	* 2% nộp thuế 12.240.000 đ * Trích 65% : chi cho bộ phận trực tiếp dạy CLB * Trích 5%: chi trả hỗ trợ công tác kiêm nhiệm và khoán điện thoại hàng tháng * Trích 15%: Chi cho bộ phận quản lý dạy học CLB. * 13% còn lại chi các hoạt động về điện, nước, mua VPP, sửa chữa CCDC...phục vụ cho hoạt động dạy CLB.
2	Tiền học lớp kỹ năng sống	80.000 đ (hs/tháng)	80.000 x 800 x 8,5T = 544.000.00 0đ	* 2% nộp thuế 10.880.000 đ * Trích trả cho Công ty CP đầu tư Giáo dục và Đào tạo Quốc tế Rồng Việt: 72.000/hs/tháng x 800 x 8,5T = 489.600.000đ . * Trích 6%: Chi cho bộ phận quản lý dạy học kỹ năng sống. * Số còn lại chi các hoạt động về điện , nước ...phục vụ cho hoạt động dạy học lớp kỹ năng sống.
3	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	160.000 đ (hs/tháng)	160.000 x 250 x 9 tháng = 360.000.00 0 đ	* 2% nộp thuế: 4.519.800 đ * Trích 65% tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú hỗ trợ giáo viên, nhân viên làm công tác phục vụ bán trú (bảo mẫu, phụ trách giờ ăn, phòng ngủ,...) * Trích 15% chi cho phục vụ và quản lý bán trú * Trích 20% : chi hoạt động phục vụ bán trú như chi văn phòng phẩm, điện, nước, sửa chữa,.... * Tiền vệ sinh bán trú: chi mua các dụng cụ vệ sinh hỗ trợ công tác vệ sinh bán trú, chi trả tiền rác, rác y tế, xét nghiệm nước,...

ST T	Nội dung thu	Mức thu thống nhất của trường và Ban ĐDCMHS	Tổng thu (Năm)	Nội dung chi
4	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	200.000 đ (hs /năm)	250 x 200.000 = 50.000.000	* 2% nộp thuế: 1.000.000 đ * Trang bị đồ dùng bán trú như: Chiếu, ca, ly, chén, mùng , muông , dĩa , khăn, đồ dùng lau nhà..... * Sửa chữa nhỏ các trang thiết bị bán trú...
5	Tiền suất ăn trưa bán trú	34.000đ hs/ngày	Tùy theo tháng	Chi tiền suất ăn bán trú cho học sinh ăn trưa.
6	Tiền học phẩm	50.000đ (hs/năm)		Chi tiền mua giấy làm bài và đề kiểm tra cho các học sinh.
7	Tiền nước uống	10.000đ (hs/tháng)	8.000.000đ/ tháng (800 HS)	Chi trả tiền nước uống cho công ty cung cấp.
8	Dịch vụ tiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	40.000đ (hs/tháng)	32.000.000 đ/ tháng (800HS)	Chi trả tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho công ty cung cấp

Trên đây là kế hoạch dự kiến thu, chi các khoản thu thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác năm học 2024-2025 của Trường THCS Trần Danh Ninh.

Nơi nhận:

- CB, GV, CNV;
- Phòng tài vụ;
- Lưu VT;

HIỆU TRƯỞNG



Võ Văn Tuấn

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU CHI TẠI ĐƠN VỊ

(Đính kèm theo công văn số 3335/UBND-PGDĐT ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

(Đvt: đồng)

STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
			Dự toán	Tỷ lệ (%)	
I	Số học sinh	1=2+3+4+5	837		
	+ Lớp 6	2	233	28%	
	+ Lớp 7	3	227	27%	
	+ Lớp 8	4	222	27%	
	+ Lớp 9	5	155	19%	
II	Dự toán chi đối với hoạt động của trường công lập:				
1	Tiền Học phí	số HS	820		
	Mức thu	5=6/1	60.000		
	Tổng dự toán chi :	6=7+8+9+10	442.800.000		
1,1	Chi thanh toán cá nhân:	7	264.000.000		
	- Chi cho số tiết thỉnh giảng (70.000 đồng/tiết * 1.200 tiết)		84.000.000		
	- Chi lương HĐ NĐ111 (6.000.000 đồng/người * 5 người x 6 tháng)		180.000.000		
	- Dạy phụ đạo học sinh...(đơn giá * số tiết)		0		
	- Dạy các môn năng khiếu, tự chọn...(đơn giá * số tiết)		0		
	- Hoạt động ngoài giờ lên lớp		0		
	- Khác (ghi cụ thể từng nội dung)		0		
1,2	Chi trích lập 40% CCTL theo quy định	8	177.120.000		
1,3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	9	1.680.000		
	- Mua sắm vật tư, hóa chất phòng thí nghiệm; đồ dùng dạy học		1.680.000		
	- Sách tham khảo cho Giáo viên, học sinh...				
	- Chi phí khác				
1,4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	10			
	- Tiền điện nước				
	- Vệ sinh môi trường				
	- Vật tư văn phòng				
	- Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				
2	Tiền tổ chức dạy Câu lạc bộ Văn Toán Anh	số HS	820		
	Mức thu	5=6/1	85.000		
	Tổng dự toán chi :	6=7+8+9+10	627.300.000		
2,1	Chi thanh toán cá nhân:	7	432.745.000		
	- Chi lương giáo viên dạy trực tiếp (90.000đ x 820HS x 8,5 tháng x 65%)		407.745.000		
	- Lương thỉnh giảng		25.000.000		
2,2	Chi cho bộ phận gián tiếp	8	94.095.000		
	- Chi quản lý nguồn thu (90.000đ x 820HS x 8,5th x 5%)		31.365.000		
	- Chi bộ phận hành chính (90.000đ x 820HS x 8,5th x 10%)		62.730.000		
2,3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	9	87.918.900		



STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
			Dự toán	Tỷ lệ (%)	
	- Mua sắm vật tư, hóa chất phòng thí nghiệm; đồ dùng dạy học		5.372.900		
	- Chi hỗ trợ các công tác kiêm nhiệm và khoán điện thoại hàng tháng		70.000.000		
	- Chi phí khác: thuế 2%		12.546.000		
2,4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	10	12.541.100		
	- Tiền điện nước		10.000.000		
	- Vệ sinh môi trường		2.000.000		
	- Vật tư văn phòng		541.100		
	- Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				
3	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	số HS	820		
	Mức thu	5=6/1	80.000		
	Tổng dự toán chi :	6=7+8+9+10	557.600.000		
3,1	Chi thanh toán cá nhân:	7	501.840.000		
	- Chi trả cty giảng dạy Kỹ năng sống (72.000/HS/tháng x 820HS x 8,5tháng)		501.840.000		
3,2	Chi cho bộ phận gián tiếp	8	33.456.000		
	- Chi quản lý nguồn thu (80.000đ x 820HS x 8,5th x 3%)		16.728.000		
	- Chi bộ phận hành chính (80.000đ x 820HS x 8,5th x 3%)		16.728.000		
3,3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	9	11.152.000		
	- Chi phí khác: thuế 2%		11.152.000		
3,4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	10	11.152.000		
	- Tiền điện nước		10.000.000		
	- Vật tư văn phòng		1.152.000		
4	Tiền thiết bị phục vụ học sinh bán trú	số HS	250		
	Mức thu	5=6/1	200.000		
	Tổng dự toán chi :	6=7+8+9+10	50.000.000		
4,1	Chi thanh toán cá nhân:	7	0		
4,2	Chi cho bộ phận gián tiếp	8	0		
4,3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	9	50.000.000		
	- Mua sắm thiết bị phục vụ học sinh bán trú (chiếu, gối, ca uống nước, bàn chải đánh răng,...)		49.000.000		
	- Chi phí khác: thuế 2%		1.000.000		
4,4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	10			
4	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	số HS	250		
	Mức thu	5=6/1	160.000		
	Tổng dự toán chi :	6=7+8+9+10	360.000.000		
5,1	Chi thanh toán cá nhân:	7	204.750.000		
	- Chi hỗ trợ giáo viên, nhân viên làm công tác phục vụ bán trú (bảo mẫu, phụ trách giờ ăn, phòng ngủ,...) (140.000đ x 250HS x 9th x 65%)		204.750.000		
5,2	Chi cho bộ phận gián tiếp	8	47.250.000		
	- Chi quản lý nguồn thu (140.000đ x 250HS x 9th x 5%)		15.750.000		
	- Chi bộ phận hành chính (140.000đ x 250HS x 9th x 10%)		31.500.000		
5,3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	9	38.750.000		
	- Mua sắm dụng cụ vệ sinh phục vụ công tác vệ sinh lớp bán trú (Giấy vệ sinh, xà phòng, chổi lau,...)		31.550.000		
	- Chi phí khác: thuế 2%		7.200.000		
5,4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	10	69.250.000		
	- Tiền điện nước		20.000.000		
	- Xét nghiệm nước; Rác y tế; Chi phí khác		5.750.000		

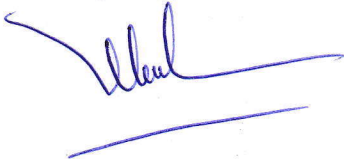
STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
			Dự toán	Tỷ lệ (%)	
	- Vệ sinh môi trường		13.500.000		
	- Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị		30.000.000		
6	<u>Tiền suất ăn trưa bán trú</u>	<u>số HS</u>	250		THU HỘ CHI HỘ
	<u>Mức thu</u>	<u>5=6/1</u>	34.000		
	<u>Tổng dự toán chi :</u>	<u>6=7+8+9+10</u>	1.639.000.000		
6,1	Chi thanh toán cá nhân:	7	0		
6,2	Chi cho bộ phận gián tiếp	8	0		
6,3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	9	1.639.000.000		
	- Chi trả tiền suất ăn bán trú cho công ty cung cấp suất ăn		1.639.000.000		
6,4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	10	0		
7	<u>Tiền học phẩm</u>	<u>số HS</u>	820		THU HỘ CHI HỘ
	<u>Mức thu</u>	<u>5=6/1</u>	50.000		
	<u>Tổng dự toán chi :</u>	<u>6=7+8+9+10</u>	41.000.000		
7,1	Chi thanh toán cá nhân:	7	0		
7,2	Chi cho bộ phận gián tiếp	8	0		
7,3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	9	41.000.000		
	- Chi trả tiền mua giấy kiểm tra, in đề kiểm tra, học bạ, thẻ học sinh		41.000.000		
7,4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	10	0		
8	<u>Tiền nước uống (thu từ tháng 10/2023 - 5/2024)</u>	<u>số HS</u>	820		THU HỘ CHI HỘ
	<u>Mức thu</u>	<u>5=6/1</u>	10.000		
	<u>Tổng dự toán chi :</u>	<u>6=7+8+9+10</u>	73.800.000		
8,1	Chi thanh toán cá nhân:	7	73.800.000		
	- Chi trả tiền nước uống cho công ty cung cấp nước uống cho học sinh		73.800.000		
8,2	Chi cho bộ phận gián tiếp	8	0		
8,3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	9	0		
8,4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	10	0		
9	<u>Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số</u>	<u>số HS</u>	820		THU HỘ CHI HỘ
	<u>Mức thu</u>	<u>5=6/1</u>	40.000		
	<u>Tổng dự toán chi :</u>	<u>6=7+8+9+10</u>	295.200.000		
9,1	Chi thanh toán cá nhân:	7	295.200.000		
	- Chi trả tiền cho công ty cung cấp ứng dụng tiện ích CNTT và chuyển đổi số		295.200.000		
9,2	Chi cho bộ phận gián tiếp	8	0		
9,3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	9	0		
9,4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	10	0		

Lưu ý:

- Đối với nội dung thu khác: đơn vị phải đảm bảo thu đủ bù chi cho nội dung thu, không phát sinh chênh lệch thu chi
- Đối với nội dung thu hộ, chi hộ: đơn vị phải đảm bảo chi theo đúng nội dung thu

Ngày 11 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Trúc

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Võ Văn Tuấn